TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST Ngày 25-11-2020 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Hải

2. Ông Nguyễn Việt Tú

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Thật – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Mai Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 07/5/2012. Sau khi kết hôn,

vợ chồng sinh sống cùng với bố mẹ đẻ anh D tại khu 05, xã T, huyện C và làm ruộng. Qúa trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đánh, cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm của tôi với anh D không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hà P, sinh ngày 15/8/2013 và Nguyễn Phương Thùy D- sinh ngày 29/02/2016 hiện nay đang ở với tôi. Ly hôn tôi xin được nuôi con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/02 con/tháng.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. .

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Quá trình làm việc anh D không có mặt tại địa phương nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục giao văn bản tố tụng cho gia đình anh D và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Văn D. Tòa án đã tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Nguyễn Văn D theo quy định pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt tại nơi cư trú nên việc vắng mặt của anh D tại Tòa án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh D được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với Nguyễn Văn D, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn D là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hà P, sinh ngày 15/8/2013 và Nguyễn Phương Thùy D - sinh ngày 29/02/2016. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L kể từ tháng 11/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không đề cập giải quyết, vì đương sự không yêu cầu nếu sau này có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị Mai Thị L và anh Nguyễn Văn D là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là anh D, có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình báo gọi để làm việc anh D đều vắng mặt không có lý do, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tòa án giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho gia đình anh D và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án và tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Nguyễn Văn D theo quy định của pháp luật. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh D được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với anh Nguyễn Văn D, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn D là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Mai Thị L và anh Nguyễn Văn D đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy

định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, khu dân cư, đại diện hội phụ nữ nơi vợ chồng chị L, anh D sinh sống cho biết: "vợ chồng chị L, anh D có xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng tôn trọng nhau, ghen tuông, xảy ra tranh cãi bất hòa, khoảng cuối năm 2018 chị L, anh D sống ly thân từ đó đến nay, chị L đưa hai con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ nuôi dưỡng, anh D đi làm ăn xa rất ít khi về địa phương. Nay chị L xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật".

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị L giữ quan điểm đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh D, còn anh D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được thông tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định pháp luật nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị L đề nghị ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Quá trình thu thập chứng cứ thấy rằng, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, anh D thường xuyên đi làm ăn ở xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, hai con chung của vợ chồng vẫn sinh sống với chị L và do chị L nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị L xin nuôi con chung. Tại phiên tòa chị Mai Thị L vẫn giữ quan điểm như đã trình bày nên cần giao con chung cho chị L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Mai Thị L vẫn giữ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn D là 3.000.000đ/ 02 con/ tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 11/2020. Tuy nhiên xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của chị L không phù hợp với mức tổng thu nhập bình quân trên người một năm tại địa phương. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức mức cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D là 2.000.000đ/02 con/tháng, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh nguyễn Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

[2]. Về con chung:

2.1.Giao con chung là: Nguyễn Ngọc Hà P, sinh ngày 15/8/2013 và Nguyễn Phương Thùy D- sinh ngày 29/02/2016 cho chị Mai Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 2.000.000đ (Hai triệu đồng) /02 con/ tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 11/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Nguyễn Văn D được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003657 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Chị L có mặt được quyền kháng cáo trọng thời hạn 15 ngày, anh D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh D hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Thảo